

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH MINH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Loan  
Ông Nguyễn Văn Thiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:**  
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Mã B, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ 12, ấp B, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2011 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày: Vào tháng 6/2010, bà H và ông Trần Mã B quen biết và tìm hiểu nhau. Sau đó, cả hai tiến đến hôn nhân,

có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2011. Sau khi kết hôn do ông B không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà thường cự cãi dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Mã B.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhật V, sinh ngày 03/10/2011, hiện đang sống cùng bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật V, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 13/01/2021, bà H có đơn yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tổ chức phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

- Bị đơn Trần Mã B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 05/2021/TB-TLVA ngày 13/01/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 102/2021/TB-TA ngày 22/02/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 189/2021/TB-TA ngày 16/3/2021 nhưng ông B không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Trần Mã B vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn Trần Mã B có nơi cư trú tại xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12/5/2021, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, ông Trần Mã B đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử vào ngày 04/5/2021 bằng hình thức tổng đạt trực tiếp

nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do. Ngày 18/5/2021, ông B đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2021 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai bằng hình thức tổng đạt trực tiếp nhưng tại phiên tòa hôm nay ông B vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Trần Mã B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn Nguyễn Thị H có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B và bà H.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, bà H và ông B có đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của bà H và ông B: Theo lời khai của bà H, sau khi kết hôn thì vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau do ông B không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến bất đồng quan điểm sống, cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không đến Tòa án trình bày về tình trạng hôn nhân hiện nay và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giữa bà H và ông B đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Mã B.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông B có 01 con chung tên Trần Nhật V, sinh ngày 03/10/2011, hiện đang sống cùng bà H tại xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật V, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, hiện bà H đang làm công nhân tại Công ty TNHH Giày R Việt Nam (H 1) tại Khu công nghiệp L phường X thành phố H, thu nhập bình quân 6.500.000đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác tại bản khai ngày 11/01/2011, cháu

Trần Nhật V trình bày trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì yêu cầu được sống cùng mẹ là Nguyễn Thị H. Do đó để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu V, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật V, sinh ngày 03/10/2011 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Ông Trần Mã B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Nhật V, sinh ngày 03/10/2011 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H chưa yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung Trần Nhật V nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông B vắng mặt không có ý kiến bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mã B được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Mã B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật V, sinh ngày 03/10/2011 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Ông Trần Mã B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Nhật V, sinh ngày 03/10/2011 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H chưa yêu cầu ông Trần Mã B cấp dưỡng nuôi con chung Trần Nhật V nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mã B được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010653 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bà Nguyễn Thị H và ông Trần Mã B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lý Thị Thúy Quỳnh**